

PHÉP TRỪ KHÔNG NHỚ TRONG PHẠM VI 1 000

(2 tiết)

Chân trời sáng tạo

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép trừ không nhớ trong phạm vi 1 000 bằng cách đặt tính.
- Thực hiện trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm.
- Củng cố quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Vận dụng giải bài toán có lời văn.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

GV và HS: Các thẻ trăm, thanh chục và các khối lập phương rời (như phần bài học).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

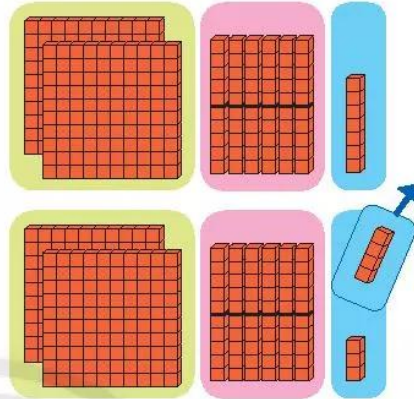
GV tổ chức cho HS hát hoặc chơi để khởi động.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu phép trừ (không nhớ) dạng số có ba chữ số trừ số có một chữ số

– GV đặt vấn đề: $267 - 4 = ?$

– HS **hình thành** số 267 từ bộ ĐDHT (HS lấy 2 thẻ trăm; 6 thanh chục và 7 khối lập phương rời).



– HS tự **suy nghĩ** sẽ sử dụng thao tác nào để có kết quả $267 - 4$? (thao tác tách 4 khối lập phương từ 7 khối lập phương).

– HS **thông báo** kết quả: $267 - 4 = 263$.

– GV nhận xét với thao tác trên ĐDDH, HS đã thực hiện tách 4 khối lập phương từ 7 khối lập phương. Sau đó, GV nêu sự cần thiết phải xếp tính dọc khi thực hiện phép tính. (Không thể cứ dùng các thẻ bia để tìm ra kết quả với các số có nhiều chữ số).

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

- **Đặt tính:** Viết số trừ dưới số bị trừ sao cho số đơn vị dưới số đơn vị, viết dấu trừ, kẻ vạch ngang.
- **Tính:** Trừ đơn vị với đơn vị. Các chữ số còn lại hạ xuống (tức là làm từ phải sang trái).

$$\begin{array}{r} 267 \\ - 4 \\ \hline 263 \end{array}$$

- 7 trừ 4 bằng 3, viết 3.
- Hạ 6, viết 6.
- Hạ 2, viết 2.

$$267 - 4 = 263$$

– So sánh với kết quả khi thực hiện bằng ĐDHT, khẳng định sự thuận lợi khi thực hiện phép cộng theo cách đặt tính.

– Gọi vài HS nêu lại cách tính.

2. Giới thiệu phép trừ (không nhớ) dạng số có ba chữ số trừ số có ba chữ số

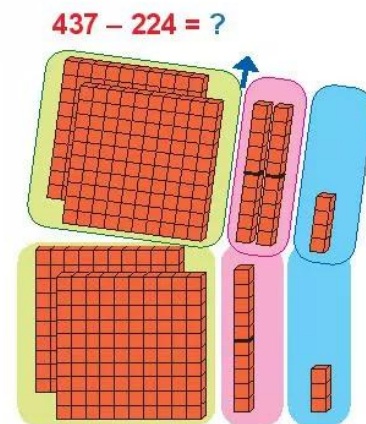
– GV đặt vấn đề: $437 - 224 = ?$

– HS **đặt tính** rồi **tính** (bảng con).

– HS dùng ĐDHT để **kiểm tra** lại kết quả vừa tính.

– HS **nêu** kết quả: $437 - 224 = 213$

– GV cho HS **so sánh** với kết quả đã làm khi thực hiện tính dọc. (lưu ý HS nào làm sai thì tự điều chỉnh).



– GV kết luận: Khi trừ số có ba chữ số cho số có ba chữ số ta thực hiện như sau:

- **Đặt tính:** viết số trừ dưới số bị trừ sao cho số đơn vị dưới số đơn vị; số chục dưới số chục; số trăm dưới số trăm.
- **Trừ:** Trừ từ phải sang trái.

$$\begin{array}{r} 437 \\ - 224 \\ \hline 213 \end{array}$$

- 7 trừ 4 bằng 3, viết 3.
 - 3 trừ 2 bằng 1, viết 1.
 - 4 trừ 2 bằng 2, viết 2.
- $$437 - 224 = 213$$

3. Thực hành

- GV yêu cầu HS **thực hiện** trên bảng con.
- GV nhận xét và chỉnh sửa việc đặt vị trí các số đơn vị, số chục, số trăm cùng thẳng cột với nhau.

LUYỆN TẬP

Bài 1: Hoạt động cá nhân

– GV yêu cầu HS **nhìn** vào từng phép tính; sau đó **tìm** kết quả bằng cách **nhẩm** (coi chục, trăm là đơn vị đếm).

– GV gọi HS đứng lên và **nêu** kết quả khi GV đọc phép tính.

Ví dụ: $700 - 300 = ?$ (HS nêu: 7 trăm trừ 3 trăm bằng 4 trăm)

$350 - 120 = ?$ (HS nêu: 35 chục trừ 12 chục bằng 23 chục, tức là 230).

Bài 2: Hoạt động nhóm đôi

– GV hướng dẫn HS chọn ba số để viết thành bốn phép tính.

Ví dụ: trong ba số: 200; 100; 300. HS viết các phép tính có liên quan với nhau, đó là:

$$200 + 100 = 300$$

$$100 + 200 = 300$$

$$300 - 100 = 200$$

$$300 - 200 = 100$$

– Tương tự để HS làm cá nhân phần còn lại, sau đó trao đổi với bạn kế bên. Khi sửa bài lưu ý cho HS trình bày

$$400 + 600 = 1000$$

$$600 + 400 = 1000$$

$$1000 - 400 = 600$$

$$1000 - 600 = 400$$

Bài 3: Hoạt động nhóm đôi

– GV hướng dẫn HS quan sát từng cột để tìm số còn thiếu trong ô. HS làm cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi.

a)

– Số đơn vị: $5 + 4 = 9$ (viết 9 vào ô)

– Số chục: $\square + 3 = 7$. Vậy $\square = 4$ (HS nhẩm)

– Số trăm: $7 + \square = 8$. Vậy $\square = 1$ (HS nhẩm)

Kết quả: $745 + 134 = 879$ (xếp đọc).

b)

– Số đơn vị: $\square - 1 = 2$. Vậy $\square = 3$ (HS nhẩm).

– Số chục: $7 - 5 = \square$. Vậy $\square = 2$.

– Số trăm: $6 - \square = 2$. Vậy $\square = 4$ (HS nhẩm).

Kết quả: $673 - 451 = 222$ (xếp đọc).

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nêu lại cách tính.

Bài 4: Hoạt động nhóm bốn

– GV yêu cầu HS đọc đề và suy nghĩ cách giải quyết vấn đề.

– HS chia nhau tính kết quả các phép tính (tìm kết quả phép tính ở các kiện hàng).

– Sau đó nối với máy bay BT 252 (nối kiện hàng có kết quả 252 với máy bay BT 252).

Bài 5: Hoạt động nhóm đôi

– GV yêu cầu HS trao đổi cách làm trong nhóm để tìm núi Bà Đen cao hơn núi Cấm bao nhiêu mét?

$$986 - 705 = 281$$

Trả lời: Núi Bà Đen cao hơn núi Cấm 281 m.

Lưu ý: Khi sửa bài GV nên khuyến khích HS trình bày cách giải quyết vấn đề. GV nhận xét phần trình bày và kết luận của HS.

ĐẤT NƯỚC EM

– GV giới thiệu về núi Bà Đen ở Tây Ninh và núi Cấm ở An Giang.

– GV yêu cầu HS tìm vị trí tỉnh Tây Ninh và tỉnh An Giang trên bản đồ (SGK trang 114).